

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH XANH CỦA TRUNG QUỐC VÀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG TẠI VIỆT NAM

● VŨ THÙY LINH

Khoa Kinh doanh quốc tế - Học viện Ngân hàng
Email: linhvt@hvn.edu.vn

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích kinh nghiệm phát triển tài chính xanh của Trung Quốc và rút ra hàm ý chính sách cho Việt Nam. Trên cơ sở phương pháp tổng hợp tài liệu, phân tích và so sánh, nghiên cứu cho thấy, Trung Quốc đã đạt được những kết quả đáng kể nhờ xây dựng chiến lược quốc gia rõ ràng, hoàn thiện hệ thống phân loại xanh, phát triển đa dạng công cụ tài chính xanh và kết hợp hiệu quả giữa vai trò của Nhà nước với cơ chế thị trường. Trong khi đó, Việt Nam mới ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển tài chính xanh, chủ yếu dựa vào tín dụng xanh, trong khi thị trường trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh và thị trường carbon vẫn còn hạn chế. Bài viết đề xuất một số giải pháp cho Việt Nam, bao gồm hoàn thiện khung pháp lý, xây dựng taxonomy xanh quốc gia, đa dạng hóa công cụ tài chính xanh, tăng cường vai trò của hệ thống ngân hàng và thúc đẩy đổi mới công nghệ xanh trong doanh nghiệp.

Từ khóa: tài chính xanh, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, Trung Quốc, Việt Nam, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Tài chính xanh đang trở thành một nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển của nhiều quốc gia trước sức ép ngày càng lớn từ biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và yêu cầu chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng carbon thấp. Tài chính xanh được hiểu là hệ thống các hoạt động, công cụ và chính sách tài chính nhằm huy động nguồn vốn cho các dự án thân thiện với môi trường, qua đó góp phần giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Nhiều nghiên cứu trước đây cho thấy, tài chính xanh có tác động tích cực đến chất lượng môi trường,

tăng trưởng xanh và đổi mới công nghệ. Tài chính xanh giúp mở rộng đầu tư vào năng lượng tái tạo, giảm phát thải carbon và thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào tác động của tài chính xanh ở cấp độ vĩ mô, như tác động đối với tăng trưởng kinh tế, phát thải carbon hoặc chuyển đổi năng lượng ở cấp quốc gia. Trong khi đó, các nghiên cứu so sánh kinh nghiệm phát triển tài chính xanh giữa các quốc gia nhằm rút ra bài học cho Việt Nam còn khá hạn chế. Đặc biệt, Trung Quốc là quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về mô hình phát triển, vai

trò của Nhà nước và áp lực môi trường, đồng thời cũng là một trong những nước tiên phong trong phát triển tài chính xanh. Trung Quốc đã xây dựng được hệ thống chính sách tương đối đồng bộ, phát triển đa dạng các công cụ tài chính xanh và từng bước hình thành thị trường carbon quy mô lớn. Những kinh nghiệm này có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Tổng quan về phát triển tài chính xanh

Khái niệm tài chính xanh được đề cập từ khá sớm, song chỉ thực sự được định nghĩa rõ ràng từ sau năm 2012. Theo Lindenberg (2014), tài chính xanh bao gồm các hoạt động tài trợ cho các khoản đầu tư công và tư nhằm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Theo OECD (2017), tài chính xanh là các hoạt động tài chính hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và phát triển bền vững. Trong khi đó, UNEP (2023) nhấn mạnh, tài chính xanh không chỉ bao gồm đầu tư xanh mà còn liên quan đến việc tích hợp các yếu tố môi trường và rủi ro khí hậu vào quá trình ra quyết định của hệ thống tài chính. Từ các cách tiếp cận trên, có thể hiểu tài chính xanh là hệ thống các chính sách, công cụ và hoạt động tài chính nhằm huy động và phân bổ nguồn vốn cho các dự án thân thiện với môi trường, qua đó góp phần giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Các nghiên cứu về tài chính xanh hiện nay chủ yếu tập trung vào 4 hướng chính.

Thứ nhất, tài chính xanh và môi trường. Nhiều nghiên cứu cho thấy tài chính xanh góp phần giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện chất lượng môi trường và thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo.

Thứ hai, mối quan hệ tài chính xanh và tăng trưởng kinh tế xanh. Tufail et al. (2024) nghiên cứu 19 nền kinh tế OECD giai đoạn 1990-2021 và kết luận tài chính xanh thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua việc hỗ trợ đầu tư vào công nghệ sạch và cơ sở hạ tầng xanh.

Thứ ba, tài chính xanh và đổi mới công nghệ xanh. Lei et al. (2025) cho thấy, tài chính xanh giúp doanh nghiệp giảm ràng buộc tài chính, tăng đầu tư

cho R&D và nâng số lượng bằng sáng chế xanh từ 12-18%. Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Li et al. (2023) về tác động của trái phiếu xanh đến đổi mới ở ASEAN+3.

Thứ tư, tài chính xanh và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đây là hướng nghiên cứu mới nổi trong những năm gần đây. Wang et al. (2026), sử dụng dữ liệu của 500 doanh nghiệp Trung Quốc, cho thấy tín dụng xanh giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc giảm chi phí ô nhiễm và tăng đầu tư vào công nghệ sạch.

Trong thực tiễn, tài chính xanh được triển khai thông qua nhiều công cụ khác nhau nhằm huy động và phân bổ nguồn vốn cho các hoạt động thân thiện với môi trường. Trong đó, tín dụng xanh là công cụ phổ biến nhất, bao gồm các khoản vay với lãi suất ưu đãi hoặc điều kiện thuận lợi dành cho các dự án tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, xử lý chất thải và sản xuất sạch hơn. Đây là công cụ được sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia do hệ thống ngân hàng thường đóng vai trò trung tâm trong việc phân bổ vốn cho nền kinh tế. Bên cạnh tín dụng xanh, trái phiếu xanh cũng ngày càng được sử dụng rộng rãi. Đây là loại chứng khoán nợ được phát hành nhằm huy động vốn cho các dự án môi trường như điện gió, điện mặt trời, giao thông công cộng xanh hoặc hạ tầng xử lý nước thải. So với tín dụng xanh, trái phiếu xanh có ưu thế trong việc huy động nguồn vốn dài hạn với quy mô lớn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Ngoài ra, các quỹ đầu tư xanh và quỹ đầu tư theo tiêu chí ESG cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp và dự án thân thiện với môi trường. Các quỹ này thường ưu tiên đầu tư vào những doanh nghiệp có hiệu quả môi trường tốt, sử dụng công nghệ sạch hoặc thực hiện tốt các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị.

3. Thực trạng phát triển tài chính xanh nhằm thúc đẩy phát triển bền vững tại Trung Quốc

Trung Quốc được xem là một trong những quốc gia tiên phong trong việc phát triển hệ thống tài chính xanh nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp. Là quốc gia tiêu thụ năng lượng và phát thải CO₂ lớn nhất thế giới, chiếm hơn 30% tổng lượng phát thải toàn cầu vào năm 2023 theo báo cáo phát thải năng lượng của Cơ quan Năng lượng Quốc

tế (IEA, 2024). Trung Quốc đã tích cực thúc đẩy các chính sách tài chính xanh từ năm 2006, chủ yếu dẫn dắt bởi chính phủ qua các ngân hàng quốc doanh (World Bank, 2023). Quá trình phát triển tài chính xanh tại Trung Quốc có thể chia thành 3 giai đoạn.

Trong giai đoạn 2006 - 2015, Trung Quốc bắt đầu lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng vào các Kế hoạch 5 năm (New Climate Economy, 2017). Năm 2007, Trung Quốc ban hành chính sách tín dụng xanh đầu tiên, yêu cầu các ngân hàng hạn chế cấp vốn cho các ngành gây ô nhiễm và ưu tiên các dự án tiết kiệm năng lượng theo công bố của Ủy ban Giám sát Ngân hàng Trung Quốc.

Năm 2016, Trung Quốc ban hành văn bản Hướng dẫn xây dựng hệ thống tài chính xanh (Guidelines for Establishing the Green Financial System) do State Council of China ban hành (2016) đánh dấu bước quan trọng trong phát triển tài chính xanh. Văn bản này xác định rõ các công cụ, tiêu chuẩn, cơ chế giám sát và trách nhiệm của các chủ thể tham gia thị trường. Cũng trong giai đoạn này, Trung Quốc triển khai các khu thí điểm tài chính xanh tại Quảng Đông, Chiết Giang, Giang Tây, Quý Châu và Tân Cương nhằm thử nghiệm các cơ chế mới về tín dụng xanh, trái phiếu xanh và quỹ đầu tư xanh.

Giai đoạn từ năm 2021 tới nay, Trung Quốc chính thức vận hành thị trường carbon quốc gia và đưa mục tiêu “đạt đỉnh phát thải trước năm 2030, trung hòa carbon vào năm 2060” trở thành định hướng trung tâm của hệ thống tài chính xanh (World Bank, 2023).

Công cụ chính sách được Trung Quốc sử dụng kết hợp giữa các công cụ hành chính, kinh tế và thị trường. Trong đó, tín dụng xanh là công cụ quan trọng nhất trong hệ thống tài chính xanh của Trung Quốc. Các ngân hàng quốc doanh lớn được yêu cầu dành tỷ trọng ngày càng lớn trong danh mục tín dụng cho các dự án năng lượng tái tạo, giao thông xanh, xử lý chất thải và sản xuất sạch.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, dư nợ tín dụng xanh của Trung Quốc đạt khoảng 44,8 nghìn tỷ CNY, trở thành thị trường tín dụng xanh lớn nhất thế giới (People's Bank of China, 2026). Việc áp dụng tín dụng xanh đã góp phần giảm đáng kể khả năng tiếp cận vốn của các ngành gây ô

nhiễm, đồng thời thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch (Chen et al., 2022).

* Kết quả và hạn chế:

Việc phát triển tài chính xanh đã giúp Trung Quốc đạt được nhiều kết quả tích cực trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp. Trước hết, tài chính xanh đã góp phần làm giảm đáng kể cường độ phát thải carbon của nền kinh tế. Thông qua việc ưu tiên vốn cho các dự án năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng và sản xuất xanh, Trung Quốc đã từng bước giảm sự phụ thuộc vào các ngành công nghiệp phát thải cao.

Bên cạnh đó, tài chính xanh còn thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi năng lượng. Nhờ nguồn vốn lớn từ tín dụng xanh, trái phiếu xanh và quỹ đầu tư xanh, tỷ trọng năng lượng tái tạo trong cơ cấu năng lượng của Trung Quốc ngày càng tăng.

Một kết quả quan trọng khác là tài chính xanh đã thúc đẩy đổi mới công nghệ xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, quá trình phát triển tài chính xanh tại Trung Quốc vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Trước hết, tiêu chuẩn xác định dự án xanh và hệ thống phân loại xanh giữa các địa phương chưa hoàn toàn thống nhất, gây khó khăn cho việc đánh giá và giám sát. Bên cạnh đó, nguy cơ “greenwashing” vẫn còn khá lớn khi một số doanh nghiệp và tổ chức tài chính có thể gắn nhãn “xanh” cho các dự án chưa thực sự thân thiện với môi trường nhằm tiếp cận nguồn vốn ưu đãi.

4. Thực trạng phát triển tài chính xanh ở Việt Nam

Về khung chính sách: Trong những năm gần đây, Việt Nam đã từng bước xây dựng nền tảng pháp lý cho phát triển tài chính xanh. Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Bên cạnh đó, nhiều văn bản quan trọng như Quyết định số 1658/QĐ-TTg về Chiến lược tăng trưởng xanh, Đề án phát triển ngân hàng xanh của Ngân hàng Nhà nước và các quy định liên quan đến tín dụng xanh, trái phiếu xanh cũng đã được ban hành. Tuy nhiên, khung chính sách cho tài chính xanh tại Việt Nam vẫn chưa thực sự hoàn chỉnh. Việt Nam hiện chưa có hệ thống phân loại xanh quốc gia thống nhất để xác

định rõ những dự án và lĩnh vực nào được coi là xanh. Điều này gây khó khăn cho các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư và doanh nghiệp trong quá trình xác định, thẩm định và giám sát các dự án xanh. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng chưa có quy định bắt buộc về công bố thông tin ESG hoặc báo cáo phát triển bền vững đối với phần lớn doanh nghiệp.

Về phát triển công cụ: Tín dụng xanh hiện là công cụ phát triển mạnh nhất tại Việt Nam. Đến năm 2025, dư nợ tín dụng xanh đạt khoảng 704 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 4,5% tổng dư nợ nền kinh tế, (Ánh Ngọc, 2023; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2026). Các khoản vay xanh chủ yếu tập trung vào năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh, xử lý chất thải và hạ tầng môi trường. Nhiều ngân hàng thương mại đã bắt đầu lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội vào quy trình cấp tín dụng, đồng thời triển khai các gói vay ưu đãi cho các dự án xanh. Mặc dù vậy, quy mô tín dụng xanh tại Việt Nam vẫn còn khá nhỏ so với nhu cầu vốn rất lớn cho tăng trưởng xanh và chuyển đổi năng lượng. Khó khăn lớn nhất là phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đáp ứng được các điều kiện để tiếp cận vốn xanh do thiếu tài sản bảo đảm, thiếu hồ sơ đánh giá môi trường và chi phí đầu tư ban đầu cao.

So với tín dụng xanh, thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam phát triển chậm hơn nhiều. Theo số liệu từ Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (2025), tổng giá trị phát hành trái phiếu xanh tới năm 2024 đạt khoảng 1,4 tỷ USD, chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong thị trường trái phiếu. Một số ngân hàng và doanh nghiệp lớn đã bắt đầu phát hành trái phiếu xanh, nhưng số lượng còn hạn chế và chủ yếu mang tính thử nghiệm. Nguyên nhân là do chi phí phát hành cao, thiếu tiêu chuẩn đánh giá và thiếu các tổ chức chứng nhận độc lập.

Mặc dù đã có những bước tiến ban đầu, phát triển tài chính xanh tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Trước hết, khung pháp lý chưa đồng bộ và thiếu một hệ thống phân loại xanh quốc gia khiến việc xác định dự án xanh còn thiếu thống nhất. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả phân bổ vốn mà còn tạo nguy cơ xảy ra tình trạng “greenwashing”.

Bên cạnh đó, thị trường tài chính xanh của Việt Nam còn thiếu đa dạng. Hiện nay, tín dụng xanh vẫn

là công cụ chủ đạo, trong khi trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh, bảo hiểm xanh và thị trường carbon chưa phát triển tương xứng. Điều này khiến nguồn vốn cho các dự án xanh phụ thuộc quá lớn vào hệ thống ngân hàng.

Một hạn chế khác là năng lực của các tổ chức tài chính và doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều ngân hàng chưa có bộ phận chuyên trách hoặc chưa có năng lực đánh giá đầy đủ các rủi ro môi trường - xã hội của dự án. Trong khi đó, phần lớn doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa có đủ nguồn lực để xây dựng báo cáo ESG, áp dụng công nghệ sạch hoặc đáp ứng các tiêu chuẩn xanh.

5. Bài học kinh nghiệm về phát triển tài chính xanh của Trung Quốc cho Việt Nam

Trước hết, Việt Nam cần xây dựng một chiến lược tài chính xanh quốc gia thống nhất và dài hạn, gắn với Chiến lược tăng trưởng xanh và cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Chiến lược này cần xác định rõ mục tiêu, lộ trình và trách nhiệm của từng cơ quan quản lý nhằm tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa Ngân hàng Nhà nước và các Bộ, ban, ngành liên quan.

Bên cạnh đó, Việt Nam cần sớm xây dựng hệ thống phân loại xanh quốc gia để xác định rõ những dự án, lĩnh vực và hoạt động nào được coi là xanh. Đây là điều kiện quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch, tránh tình trạng “greenwashing” và tạo cơ sở cho việc phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh cũng như các công cụ tài chính khác.

Một yêu cầu quan trọng khác là cần đa dạng hóa các công cụ tài chính xanh. Việt Nam không nên chỉ dựa vào tín dụng xanh mà cần đồng thời thúc đẩy phát triển trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh, bảo hiểm xanh và thị trường carbon. Đối với trái phiếu xanh, cần hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn phát hành, cơ chế giám sát và chứng nhận độc lập nhằm tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Đối với thị trường carbon, Việt Nam có thể triển khai thí điểm tại một số ngành phát thải lớn như điện, xi măng và thép trước khi mở rộng trên phạm vi toàn quốc.

Bên cạnh việc đa dạng hóa công cụ, cần tăng cường vai trò của hệ thống ngân hàng trong phát triển tài chính xanh. Ngân hàng Nhà nước nên ban hành các hướng dẫn cụ thể về quản trị rủi ro môi trường -

xã hội và khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng tỷ trọng tín dụng xanh trong tổng danh mục cho vay. Đồng thời, cần nâng cao năng lực thẩm định dự án xanh, xây dựng đội ngũ chuyên gia ESG và phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Cuối cùng, tài chính xanh cần được gắn với đổi mới công nghệ và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các chính sách ưu đãi tài chính nên ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, đổi mới quy trình sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn xanh không chỉ góp phần giảm phát thải mà còn giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

6. Kết luận

Tài chính xanh đang trở thành công cụ quan trọng

nhằm huy động nguồn lực cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và phát triển bền vững. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, việc xây dựng chiến lược quốc gia rõ ràng, hoàn thiện khung pháp lý, đa dạng hóa công cụ tài chính xanh và kết hợp hiệu quả giữa vai trò của Nhà nước với cơ chế thị trường là những điều kiện quyết định để phát triển tài chính xanh.

Đối với Việt Nam, mặc dù đã đạt được một số kết quả ban đầu, hệ thống tài chính xanh vẫn còn ở giai đoạn đầu và tồn tại nhiều hạn chế về khung pháp lý, quy mô thị trường và năng lực thực thi. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân loại xanh, phát triển các công cụ tài chính xanh đa dạng, nâng cao vai trò của hệ thống ngân hàng và thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng xanh và Net Zero 2050 ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam. (2025). Báo cáo thường niên thị trường Trái phiếu Việt Nam 2025. Truy cập tại https://vbma.org.vn/storage/reports/March2026/VBMA_BAO%20CAO%20THUONG%20NIEN%202025.pdf
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2026). Báo cáo tín dụng xanh năm 2025. Truy cập tại https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/tcnh/tcnh_chitiet?leftWidth=20%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV426789&rightWidth=0%25¢erWidth=80%25
- Nguyễn Thị Ánh Ngọc (2023). Phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Ngân hàng, 15(3), 45-62.
- Chen, Z., et al. (2022). Green credit policy and firm environmental responsibility. *Journal of Environmental Economics and Management*, 112, 102654. <https://doi.org/10.1016/j.jeem.2022.102654>
- Global Carbon Project. (2023). Global carbon budget 2023. <https://www.globalcarbonproject.org/carbonbudget>
- International Energy Agency - IEA (2024). CO2 emissions in 2023. <https://www.iea.org/reports/co2-emissions-in-2023>
- New Climate Economy. (2017). Better growth, better climate: The New Climate Economy report. <http://newclimateeconomy.report/2017>
- Lei, X., Zhang, Y., & Li, J. (2025). Green finance and green innovation: Evidence from Chinese enterprises. *Energy Economics*, 128, 107156. <https://doi.org/10.1016/j.eneco.2024.107156>
- Li, Z., Kuo, T. H., Sjarief, R., & Su, C. H. J. (2023). Green finance, renewable energy investment, and CO₂ emission: The case of ASEAN+3. *Resources Policy*, 82, 103474. <https://doi.org/10.1016/j.resourpol.2023.103474>
- Lindenberg, N. (2014). Definition of green finance. German Development Institute/Deutsches Institut für Entwicklungspolitik (DIE).
- Organisation for Economic Co-operation and Development - OECD (2017). Investing in climate, investing in growth. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264273528-en>

People's Bank of China. (2026). Green finance progress report 2025. <http://www.pbc.gov.cn/en/3688110/3688172/index.html>

Tufail, M., Song, L., & Khan, M. A. (2024). Green finance and green growth in OECD countries. *Sustainability*, 16(5), 1234. <https://doi.org/10.3390/su16051234>

United Nations Environment Programme - UNEP (2023). Green finance for sustainable development. United Nations Environment Programme. <https://www.unep.org/resources/report/green-finance-sustainable-development>

Wang, Y., Liu, J., & Zhang, H. (2026). Green credit and sustainable performance of firms in China. *Finance Research Letters*, 52, 107478. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2025.107478>

State Council of the People's Republic of China. (2016). Guidelines for establishing the green financial system. http://www.gov.cn/zhengce/content/2016-08/31/content_5102978.htm

World Bank (2023). Green finance for developing countries: Lessons from China. <https://www.worldbank.org/en/topic/financialsector/publication/green-finance-china>

Ngày nhận bài: 6/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/4/2026

CHINA'S EXPERIENCE IN GREEN FINANCE DEVELOPMENT AND ITS IMPLICATIONS FOR VIETNAM

● VU THUY LINH

Faculty of International Business, Banking Academy of Vietnam

ABSTRACT:

This study examines China's experience in developing green finance and derives policy implications for Vietnam. Employing a literature review and a comparative analytical approach, the study finds that China has achieved substantial progress through the implementation of a coherent national strategy, the establishment of a comprehensive green taxonomy, the diversification of green financial instruments, and the effective coordination between state intervention and market mechanisms. In contrast, Vietnam remains in the early stages of green finance development, with green credit serving as the primary instrument, while the markets for green bonds, green investment funds, and carbon trading are still relatively underdeveloped. Based on these findings, the study identifies key policy directions for Vietnam, including strengthening the legal and regulatory framework, developing a national green taxonomy, broadening the range of green financial instruments, enhancing the role of the banking sector, and promoting green technological innovation among enterprises.

Keywords: green finance, green credit, green bonds, China, Vietnam, sustainable development.